

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 7997/STC-NS ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Sở Tài chính về điều chỉnh dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ;

Căn cứ Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 về giao dự toán chi ngân sách năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 về giao dự toán chi ngân sách năm 2023 cho Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận Gò Vấp;

Căn cứ Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023;



Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận về phân giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2023;

Theo đề nghị của các đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1290/TTr-TCKH ngày 14 tháng 11 năm 2023 về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ sang kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị dự toán. (chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. Kiem*

Nơi nhận:

- Như điều 3; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy;
- Các PCT UBND quận;
- UB MTTQ VN quận;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT.(N).8b



CHỦ TỊCH



Nguyễn Trí Dũng



**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ**

(Đính kèm Quyết định số 4721/TTr-TCKH ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

đvt: đồng

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Dự toán điều chỉnh		
				Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (NGUỒN 12)	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
A	B	C	D	I	2=3+4	3	4
1			Chi lĩnh vực giáo dục	539.880.425.000	539.880.425.000	434.192.112.000	105.688.313.000
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	6.157.146.000	6.157.146.000	4.647.475.000	1.509.671.000
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	4.620.983.000	4.620.983.000	3.903.543.000	717.440.000
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	6.156.639.000	6.156.639.000	5.235.609.000	921.030.000
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	6.361.975.000	6.361.975.000	5.441.605.000	920.370.000
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	6.217.625.000	6.217.625.000	5.298.425.000	919.200.000
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	5.887.464.000	5.887.464.000	5.081.444.000	806.020.000
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	5.994.344.000	5.994.344.000	5.013.344.000	981.000.000
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	5.301.734.000	5.301.734.000	4.576.884.000	724.850.000
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	4.104.191.000	4.104.191.000	3.311.391.000	792.800.000
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	6.666.888.000	6.666.888.000	5.737.808.000	929.080.000
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	4.771.411.000	4.771.411.000	3.914.211.000	857.200.000
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	4.583.664.000	4.583.664.000	3.741.874.000	841.790.000
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	5.930.252.000	5.930.252.000	4.913.892.000	1.016.360.000
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	9.891.456.000	9.891.456.000	8.558.936.000	1.332.520.000
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	6.153.156.000	6.153.156.000	5.193.816.000	959.340.000
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	8.951.432.000	8.951.432.000	7.792.322.000	1.159.110.000
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	7.555.838.000	7.555.838.000	6.478.538.000	1.077.300.000
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	5.120.885.000	5.120.885.000	4.277.365.000	843.520.000
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	7.376.854.000	7.376.854.000	6.204.654.000	1.172.200.000
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	4.262.012.000	4.262.012.000	3.527.712.000	734.300.000
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	6.057.115.000	6.057.115.000	5.229.935.000	827.180.000
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Tường Vi	3.093.748.000	3.093.748.000	2.489.508.000	604.240.000
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	7.284.155.000	7.284.155.000	6.102.325.000	1.181.830.000
24	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	2.965.420.000	2.965.420.000	2.339.120.000	626.300.000

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Dự toán điều chỉnh		
				Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (NGUỒN 12)	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
A	B	C	D	I	2=3+4	3	4
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	13.292.456.000	13.292.456.000	12.601.493.000	690.963.000
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	7.747.257.000	7.747.257.000	7.153.776.000	593.481.000
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	6.644.088.000	6.644.088.000	5.991.079.000	653.009.000
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hanh Thông	9.020.291.000	9.020.291.000	8.250.359.000	769.932.000
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	9.507.000.000	9.507.000.000	8.936.245.000	570.755.000
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	7.084.794.000	7.084.794.000	6.505.262.000	579.532.000
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	11.402.074.000	11.402.074.000	10.389.213.000	1.012.861.000
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	7.710.629.000	7.710.629.000	7.186.016.000	524.613.000
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	8.367.025.000	8.367.025.000	7.775.385.000	591.640.000
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	11.722.349.000	11.722.349.000	11.225.724.000	496.625.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	16.340.690.000	16.340.690.000	15.732.242.000	608.448.000
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	8.946.080.000	8.946.080.000	8.377.738.000	568.342.000
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	9.142.553.000	9.142.553.000	8.503.579.000	638.974.000
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	6.728.383.000	6.728.383.000	6.291.229.000	437.154.000
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	13.359.604.000	13.359.604.000	12.624.400.000	735.204.000
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	16.141.301.000	16.141.301.000	15.584.916.000	556.385.000
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	6.992.166.000	6.992.166.000	6.482.727.000	509.439.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	7.694.817.000	7.694.817.000	7.087.053.000	607.764.000
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	7.736.318.000	7.736.318.000	7.276.814.000	459.504.000
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	4.460.478.000	4.460.478.000	4.112.691.000	347.787.000
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	5.338.111.000	5.338.111.000	4.891.442.000	446.669.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	14.050.333.000	14.050.333.000	9.295.883.000	4.754.450.000
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	9.661.172.000	9.661.172.000	6.400.032.000	3.261.140.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	15.705.205.000	15.705.205.000	10.494.180.000	5.211.025.000
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	17.522.711.000	17.522.711.000	11.657.871.000	5.864.840.000
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	18.494.771.000	18.494.771.000	12.066.061.000	6.428.710.000
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	14.312.087.000	14.312.087.000	8.558.931.000	5.753.156.000
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	14.113.208.000	14.113.208.000	9.321.328.000	4.791.880.000
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	11.110.532.000	11.110.532.000	6.650.002.000	4.460.530.000
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	14.370.297.000	14.370.297.000	9.242.477.000	5.127.820.000
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	10.239.372.000	10.239.372.000	6.803.882.000	3.435.490.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	6.232.622.000	6.232.622.000	3.874.302.000	2.358.320.000
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	19.312.191.000	19.312.191.000	12.606.771.000	6.705.420.000
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	12.796.432.000	12.796.432.000	7.850.182.000	4.946.250.000
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	14.041.272.000	14.041.272.000	8.947.942.000	5.093.330.000

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	Dự toán điều chỉnh		
				Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ (NGUỒN 12)	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>I</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	7.140.848.000	7.140.848.000	4.918.628.000	2.222.220.000
61	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	3.932.521.000	3.932.521.000	3.512.521.000	420.000.000
II			Chi sự nghiệp Y tế	35.181.000.000	35.181.000.000	25.751.000.000	9.430.000.000
62	1086089	623-131	Trung tâm y tế	35.181.000.000	35.181.000.000	25751000000	9.430.000.000
III			Chi hoạt động Văn hoá	2.814.326.000	2.814.326.000	963.000.000	1.851.326.000
63	1071013	625-161	Trung tâm văn hoá	1.551.326.000	1.551.326.000		1.551.326.000
64	1038146	711-161	Nhà Thiếu nhi	1.263.000.000	1.263.000.000	963.000.000	300.000.000
IV			Chi hoạt động thể dục thể thao	1.913.835.000	1.913.835.000	0	1.913.835.000
65	1038562	625-221	Trung tâm thể dục thể thao	1.913.835.000	1.913.835.000		1.913.835.000
V			Chi hoạt động Đào tạo	13.511.900.000	13.511.900.000	0	13.511.900.000
66	1038327	799-092	Trường trung cấp nghề Quang Trung	13.511.900.000	13.511.900.000		13.511.900.000
			Tổng cộng	593.301.486.000	593.301.486.000	460.906.112.000	132.395.374.000



**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ**

(Đính kèm Quyết định số 4721/TTr-TCKH ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

đvt: đồng

STT	Nội dung	Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	Dự toán điều chỉnh		
		Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Trung tâm Văn hóa-Thể thao	2.893.334.000	2.893.334.000	1.287.234.000	1.606.100.000



**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ**

(Đính kèm Quyết định số 4721/TTr-TCKH ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

đvt: đồng

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023	Dự toán điều chỉnh		
				Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
A	B	C	D	I	2=3+4	3	4
1			Chi lĩnh vực giáo dục	16.231.204.000	16.231.204.000	-655.620.000	16.886.824.000
1	1127053	622-075	Trung tâm GDNN-GDTX	307.741.000	307.741.000	0	307.741.000
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	106.715.000	106.715.000	-20.640.000	127.355.000
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	69.682.000	69.682.000	-9.600.000	79.282.000
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	76.525.000	76.525.000	-95.040.000	171.565.000
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	179.139.000	179.139.000	-82.080.000	261.219.000
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	-80.000.000	-80.000.000	-44.640.000	-35.360.000
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	-266.308.000	-266.308.000	-169.920.000	-96.388.000
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	84.066.000	84.066.000	-75.840.000	159.906.000
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	138.481.000	138.481.000	-77.760.000	216.241.000
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	39.592.000	39.592.000	-56.160.000	95.752.000
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	92.413.000	92.413.000	-64.800.000	157.213.000
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	120.900.000	120.900.000	15.360.000	105.540.000
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	-150.659.000	-150.659.000	-148.800.000	-1.859.000
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	40.078.000	40.078.000	-15.360.000	55.438.000
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	-75.908.000	-75.908.000	-59.520.000	-16.388.000
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	142.000	142.000	-11.040.000	11.182.000
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	9.744.000	9.744.000	-37.440.000	47.184.000
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	3.666.000	3.666.000	-13.440.000	17.106.000
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	99.305.000	99.305.000	-27.360.000	126.665.000
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	118.371.000	118.371.000	-32.640.000	151.011.000
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	15.600.000	15.600.000	29.280.000	-13.680.000
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Tường Vi	291.298.000	291.298.000	9.120.000	282.178.000
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	113.428.000	113.428.000	35.520.000	77.908.000
24	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	600.478.000	600.478.000	93.120.000	507.358.000
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	296.242.000	296.242.000	-25.867.000	322.109.000

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2023	Dự toán điều chỉnh		
				Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	Tổng cộng	Dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	Dự toán kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	116.585.000	116.585.000	-10.667.000	127.252.000
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	246.856.000	246.856.000	169.349.000	77.507.000
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hanh Thông	211.707.000	211.707.000	-26.400.000	238.107.000
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	88.514.000	88.514.000	-36.800.000	125.314.000
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	154.954.000	154.954.000	-55.200.000	210.154.000
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	128.074.000	128.074.000	-53.333.000	181.407.000
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	595.726.000	595.726.000	46.667.000	549.059.000
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	62.024.000	62.024.000	-53.600.000	115.624.000
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	12.312.000	12.312.000	-46.133.000	58.445.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	-1.340.000	-1.340.000	-81.600.000	80.260.000
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	83.327.000	83.327.000	-24.800.000	108.127.000
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	215.906.000	215.906.000	-61.333.000	277.239.000
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	160.967.000	160.967.000	-23.200.000	184.167.000
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	88.915.000	88.915.000	-37.067.000	125.982.000
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	437.324.000	437.324.000	-23.733.000	461.057.000
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	95.071.000	95.071.000	-16.800.000	111.871.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	124.133.000	124.133.000	-20.267.000	144.400.000
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	420.388.000	420.388.000	21.867.000	398.521.000
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	354.797.000	354.797.000	18.933.000	335.864.000
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	341.106.000	341.106.000	-4.800.000	345.906.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	545.173.000	545.173.000	3.800.000	541.373.000
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	309.354.000	309.354.000	18.600.000	290.754.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	596.494.000	596.494.000	41.400.000	555.094.000
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	628.481.000	628.481.000	38.200.000	590.281.000
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	600.680.000	600.680.000	8.800.000	591.880.000
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	746.380.000	746.380.000	-4.200.000	750.580.000
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	554.769.000	554.769.000	48.200.000	506.569.000
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	1.022.198.000	1.022.198.000	27.000.000	995.198.000
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	217.929.000	217.929.000	-1.400.000	219.329.000
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	604.278.000	604.278.000	-600.000	604.878.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	236.629.000	236.629.000	-15.600.000	252.229.000
57	1109850	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	690.338.000	690.338.000	14.600.000	675.738.000
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	792.470.000	792.470.000	37.800.000	754.670.000
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	1.306.939.000	1.306.939.000	22.400.000	1.284.539.000
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	482.317.000	482.317.000	28.600.000	453.717.000
61	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	728.698.000	728.698.000	281.244.000	447.454.000